

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **61/2019/HNGĐ-ST**.

Ngày 12/6/2018.

V/v “*Tranh chấp ly hôn và con chung*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Thanh Thảo**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Cao Phước Nghĩa**

Ông **Nguyễn Thanh Cần**.

Thư ký phiên tòa: Ông **Đặng Thanh Sang** - Thư ký TAND huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 12 tháng 6 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 174/2019/TLST-HNGĐ, ngày 22/4/2019 về vụ “*Tranh chấp về ly hôn và con chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 24/5/2019, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh **Lâm Văn H**, sinh năm: 1972 (*Có mặt*).

* Bị đơn: Chị **Phan Kim Ph**, sinh năm: 1974 (*Có mặt*).

Cùng địa chỉ: Ấp HTr, xã MHS, huyện HĐ, tỉnh KG.

(NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Ý kiến của nguyên đơn anh Lâm Văn H trình bày:

Về hôn nhân: Năm 1995 anh chị tự tìm hiểu đi đến hôn nhân có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó đến đầu năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung dẫn đến cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc.

Anh chị đã sống ly thân hơn 4 năm nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Ph.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Lâm Văn M, sinh ngày 26/10/1996 và Lâm Văn H, sinh ngày 11/8/2002. Cháu M đã trưởng thành không bị nhược điểm gì về thể chất lẫn tinh thần nên anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Anh đồng ý giao cháu H cho chị Ph tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Ngoài ra, anh yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án sớm.

** Ý kiến trình bày của bị đơn chị Phan Kim Ph như sau:*

Về hôn nhân: Năm 1995 chị và anh H tự tìm hiểu đi đến hôn nhân có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó đến đầu năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung dẫn đến cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc. Anh chị đã sống ly thân hơn 4 năm nay, anh chị không ai còn quan tâm chăm sóc nhau. Nay chị không còn tình cảm vợ chồng với anh H nên chị đồng ý ly hôn với anh H.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Lâm Văn M, sinh ngày 26/10/1996 và Lâm Văn H, sinh ngày 11/8/2002. Cháu M đã trưởng thành không bị nhược điểm gì về thể chất lẫn tinh thần nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Hiện nay cháu H đang sống cùng chị nên chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu H.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Vì hiện nay chị đi làm thu nhập bình quân hàng tháng 8.000.000 đồng đủ chi phí trang trải cuộc sống của chị và cháu H.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Anh H, chị Ph giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện của anh Lâm Văn H thì đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại huyện Hòn Đất nên quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất.

[2] Về nội dung vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Theo anh H và chị Ph trình bày anh chị đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới vào năm 1995 nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung dẫn đến cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc nên anh chị đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, anh chị chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại các Điều 8, Điều 9, Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, căn cứ vào các quy định này Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Lâm Văn H và chị Phan Kim Ph là vợ chồng.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Lâm Văn M, sinh ngày 26/10/1996 và Lâm Văn H, sinh ngày 11/8/2002. Cháu M đã trưởng thành không bị nhược điểm gì về thể chất lẫn tinh thần nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Đối với cháu H thì anh H đồng ý giao cho chị Phnuôi dưỡng. Xét thấy, hiện nay cháu H đang sống cùng chị Ph, tại bản tự Hữu có ý kiến muốn sống cùng với mẹ và tại phiên tòa chị Phcũng yêu cầu được nuôi dưỡng cháu H. Yêu cầu này của chị Ph được anh H đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy sự tự nguyện thỏa thuận này của anh chị là hoàn toàn tự nguyện và trái với quy định của pháp luật nên được ghi nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Ph không yêu cầu nên không xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[3 Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Lâm Văn H phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 8; Điều 9; Điều 14; Điều 53; Điều 81; Điều 83 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa anh Lâm Văn H với chị Phan Kim Ph là vợ chồng.

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa anh H và chị Ph. Anh H đồng ý giao cháu Lâm Văn H, sinh ngày 11/8/2002 cho chị Ph nuôi dưỡng. Trong thời gian chị Ph chăm sóc, nuôi dưỡng con chung thì phía anh H được quyền tới lui thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung: Không xét.

4. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc anh Lâm Văn H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà anh H đã nộp theo biên lai thu số: 0002274, ngày 18/4/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang (anh H đã nộp xong).

5. Về quyền kháng cáo: Anh H, chị Ph có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.